

Số: 2310/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Đại Hàn Dân Quốc

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 86/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-BCT ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Đại Hàn Dân Quốc;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-BCT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Đại Hàn Dân Quốc;

Căn cứ Quyết định số 1207/QĐ-BCT ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 914/QĐ-BCT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế

chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Đại Hàn Dân Quốc;

Căn cứ Quyết định số 1543/QĐ-BCT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc gia hạn thời hạn điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Đại Hàn Dân Quốc;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Đại Hàn Dân Quốc được phân loại theo các mã HS 7210.41.11, 7210.41.12, 7210.41.19, 7210.49.11, 7210.49.14, 7210.49.15, 7210.49.16, 7210.49.17, 7210.49.18, 7210.49.19, 7210.50.00, 7210.61.11, 7210.61.12, 7210.61.19, 7210.69.11, 7210.69.19, 7210.90.10, 7210.90.90, 7212.30.11, 7212.30.12, 7212.30.13, 7212.30.14, 7212.30.19, 7212.50.14, 7212.50.19, 7212.50.23, 7212.50.24, 7212.50.29, 7212.50.93, 7212.50.94, 7212.50.99, 7212.60.11, 7212.60.12, 7212.60.19, 7225.92.20, 7225.92.90, 7225.99.90, 7226.99.11, 7226.99.19, 7226.99.91, 7226.99.99 (mã vụ việc: AD19) với nội dung chi tiết nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

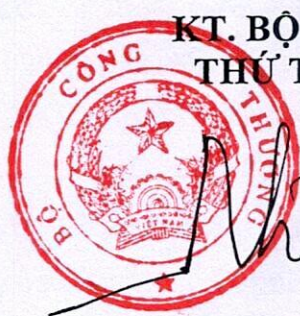
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, KHCN;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Cục Hải quan – Bộ TC;
- Các Cục: CN, XNK, ĐCK;
- Các Vụ: TTNN, ĐB, PC;
- Văn phòng BCĐLNHNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (8).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

THÔNG BÁO

Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Đại Hàn Dân Quốc

(Kèm theo Quyết định số ²³¹⁰ ~~2310~~ QĐ-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2025 của
Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) chính thức là sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) và Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc) có các đặc tính cơ bản và phân loại theo các mã HS như sau:

a) Đặc tính cơ bản

Tên hàng hóa: Thép mạ (tôn mạ)

Mô tả: Hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG chính thức là một số sản phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim, cán phẳng ở dạng cuộn và không phải dạng cuộn, chứa hàm lượng carbon dưới 0,60% tính theo khối lượng, đã dát phủ, tráng, mạ hay phủ kim loại chống ăn mòn như kẽm hoặc nhôm, hoặc các hợp kim gốc sắt, bất kể độ dày và chiều rộng.

Các sản phẩm thép hợp kim hoặc không hợp kim, cán phẳng, chứa hàm lượng carbon dưới 0,60% tính theo khối lượng, đã mạ kẽm hoặc hợp kim nhôm kẽm hoặc hợp kim kẽm nhôm magiê được phủ thêm lớp crom hoặc oxit crom thuộc phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức.

b) Mã số hàng hóa (mã HS)

Sản phẩm thép mạ bị áp dụng thuế CBPG chính thức được phân loại theo các mã HS 7210.41.11, 7210.41.12, 7210.41.19, 7210.49.11, 7210.49.14, 7210.49.15, 7210.49.16, 7210.49.17, 7210.49.18, 7210.49.19, 7210.50.00, 7210.61.11, 7210.61.12, 7210.61.19, 7210.69.11, 7210.69.19, 7210.90.10, 7210.90.90, 7212.30.11, 7212.30.12, 7212.30.13, 7212.30.14, 7212.30.19, 7212.50.14, 7212.50.19, 7212.50.23, 7212.50.24, 7212.50.29, 7212.50.93, 7212.50.94, 7212.50.99, 7212.60.11, 7212.60.12, 7212.60.19, 7225.92.20, 7225.92.90, 7225.99.90, 7226.99.11, 7226.99.19, 7226.99.91, 7226.99.99.

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hóa bị áp dụng thuế CBPG chính thức để phù hợp với mô tả hàng hóa bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

c) Các sản phẩm được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức

Sản phẩm được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức thuộc một trong các nhóm sau đây:

- Các sản phẩm thép được phủ, mạ hoặc tráng bằng crom hoặc oxit crom;
- Các sản phẩm là thép không gỉ;
- Các sản phẩm là thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn bị áp dụng biện pháp CBPG theo Quyết định 2822/QĐ-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và các quyết định sửa đổi, bổ sung có liên quan;
- Các sản phẩm là thép cán nóng bị áp dụng biện pháp CBPG theo Quyết định số 1959/QĐ-BCT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và các quyết định sửa đổi, bổ sung có liên quan;
- Các sản phẩm thép được phủ, mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp điện phân;
- Các sản phẩm thép mạ thuộc một trong các mác thép có tên tại Cột 2 và tiêu chuẩn tương ứng tại Cột 3 dưới đây:

STT	Mác thép	Tiêu chuẩn
(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
1	CR180BH	VDA 239-100
2	CR440Y780T-DP	VDA 239-100
3	CR660Y780T-CP	VDA 239-100
4	HC180YD+Z	VDA 239-100
5	DX57D+Z	EN 10346:2024
6	S500MCD+Z	EN 10346:2024

2. Kết luận cuối cùng

Kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra xác định rằng:

(i) có tồn tại hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu bị điều tra từ Trung Quốc và Hàn Quốc;

(ii) ngành sản xuất trong nước đang chịu thiệt hại đáng kể; và

(iii) có mối quan hệ nhân quả giữa việc nhập khẩu hàng hóa bán phá giá từ Trung Quốc và Hàn Quốc với thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước.

Theo đó, Bộ Công Thương quyết định áp dụng thuế CBPG chính thức đối với một số sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Trung Quốc và Hàn Quốc.

3. Mức thuế CBPG chính thức

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG chính thức
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
TRUNG QUỐC			
1	Boxing Hengrui New Material Co., Ltd.	- Guangdong Bon Voyage International Trade Co., Ltd. - Zhejiang Landel Trade Co., Ltd - Boxing County Yiliya New Materials Co., Ltd.	Không áp thuế CBPG
2	Yieh Phui (China) Technomaterial Co., Ltd.	- Tianjin Lianfa Precision Steel Corporation - Chin Fong Metal Pte. Ltd.	Không áp thuế CBPG
3	Baoshan Iron & Steel Co., Ltd. Shanghai Meishan Iron & Steel Co., Ltd. Baosteel Zhanjiang Iron & Steel Co., Ltd. Wuhan Iron & Steel Co., Ltd.	- Shanghai Baosteel International Economic & Trading Co., Ltd. - Shanghai Baosteel Steel Trading Co., Ltd - Shanghai Ouyeel Supply Chain Management Co., Ltd - Guangzhou Baosteel Southern Trading Co., Ltd. - Baosteel Singapore Pte Ltd - Wuhan Baosteel Huazhong Trading Co., Ltd	37,13%
4	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc		37,13%

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG chính thức
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
HÀN QUỐC			
5	POSCO	- POSCO International Corporation - Samsung C&T Corporation	Không áp thuế CBPG
6	KG Dongbu Steel Co., Ltd.	- LX International Corp. - Osteel Inc. - Shanghai Shijing International Trading Co., Ltd. - ST. International	Không áp thuế CBPG
7	Dongkuk Coated Metal Co., Ltd	- LX International Corp.	Không áp thuế CBPG
8	Hyundai Steel Company	- LX International Corp.	12,00%
9	Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Hàn Quốc		15,67%

4. Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế CBPG chính thức

a) Hiệu lực

Thuế CBPG chính thức có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 2025.

b) Thời hạn áp dụng

Thuế CBPG chính thức có thời hạn áp dụng là 05 (năm) năm kể từ ngày có hiệu lực (*trừ trường hợp được gia hạn, thay đổi, hủy bỏ theo Quyết định khác của Bộ trưởng Bộ Công Thương*).

5. Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế CBPG chính thức

a) Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG chính thức

Để có cơ sở xác định hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG, cơ quan hải quan sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O); hoặc

b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại:

- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;
- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;
- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu;
- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len;
- Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN; hoặc
- Hiệp định Thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en.

Nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

Bước 1: Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan không nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì áp dụng mức thuế CBPG chính thức là 37,13%.
- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là Trung Quốc, Hàn Quốc thì không phải nộp thuế CBPG chính thức.
- Trường hợp 3: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Trung Quốc, Hàn Quốc thì chuyển sang Bước 2.

Bước 2: Kiểm tra giấy chứng nhận chất lượng (bản chính) của nhà sản xuất (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận nhà sản xuất)

- Trường hợp 1: Nếu (i) người khai hải quan không nộp được giấy chứng nhận nhà sản xuất hoặc (ii) nộp được giấy chứng nhận nhà sản xuất nhưng tên tổ chức, cá nhân trên giấy chứng nhận nhà sản xuất không trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 của Thông báo này thì nộp thuế CBPG chính thức ở mức như sau:

- + 37,13% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc;
- + 15,67% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Hàn Quốc;

- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên tổ chức, cá nhân trên giấy chứng nhận trùng với tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 của Thông báo này thì chuyển sang Bước 3.

Bước 3: Kiểm tra tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu

- Trường hợp 1: Nếu tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục

3 hoặc trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 3 thì nộp mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 3 Mục 3 của Thông báo này.

- Trường hợp 2: Nếu tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) không trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 và không trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 3 thì nộp thuế CBPG chính thức ở mức như sau:

+ 37,13% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Trung Quốc;

+ 15,67% đối với hàng hóa có chứng từ chứng nhận xuất xứ từ Hàn Quốc.

b) Hàng hóa nhập khẩu được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức

Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc các mã thép được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức tại Mục 1 (c) Thông báo này, để được loại trừ thì các thông tin về mã thép, tiêu chuẩn tương ứng, thành phần hóa học, tính chất hóa học, tính chất cơ học tại giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất phải phù hợp với mã thép và tiêu chuẩn được loại trừ và thống nhất với các chứng từ khác trong bộ hồ sơ hải quan.

Hàng hóa thuộc phạm vi loại trừ phải có mã thép được quy định tại Cột (2) áp dụng với tiêu chuẩn tại Cột (3). Hàng hóa có mã thép được quy định tại Cột (2) nhưng tiêu chuẩn áp dụng khác với tiêu chuẩn tương ứng tại Cột (3) thì không thuộc phạm vi loại trừ.

Trường hợp cơ quan hải quan nghi ngờ thì có thể thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro theo quy định pháp luật.

6. Hoàn thuế CBPG tạm thời

a) Hoàn thuế CBPG tạm thời đối với hàng hóa được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức

Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa không thuộc diện áp dụng thuế CBPG chính thức theo Quyết định này được hoàn lại thuế CBPG tạm thời đã nộp theo Quyết định số 914/QĐ-BCT ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định số 1207/QĐ-BCT ngày 28 tháng 4 năm 2025 theo quy định pháp luật.

Đối với hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế CBPG tạm thời nhưng được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức cũng áp dụng cách thức kiểm tra, chứng từ, tài liệu cung cấp tương tự như Mục 5 (b) Thông báo này để làm cơ sở cho cơ quan hải quan chấp nhận tờ khai hải quan bổ sung, điều chỉnh giảm số thuế nhập khẩu phải nộp và thực hiện thủ tục hoàn thuế nhập khẩu nộp thừa theo quy định pháp luật.

b) Hoàn thuế CBPG tạm thời do chênh lệch thuế CBPG

Tổ chức, cá nhân đã nhập khẩu hàng hoá của nhà sản xuất, xuất khẩu sau đây được hoàn lại khoản chênh lệch về thuế đã nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 68 Luật Quản lý ngoại thương, cụ thể như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG tạm thời	Mức thuế CBPG chính thức	Mức thuế CBPG được hoàn lại
			(1)	(2)	(3) = (1) – (2)
HÀN QUỐC					
1	Hyundai Steel Company	LX International Corp.	13,70%	12,00%	1,70%

7. Trình tự thủ tục tiếp theo của vụ việc

Sau khi Quyết định có hiệu lực, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với các cơ quan quản lý có liên quan thực hiện việc kiểm tra, theo dõi, giám sát hiệu quả của việc thực thi Quyết định trên cơ sở thông tin về tình hình nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng thuế chống bán phá giá và hàng hóa có khả năng lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá do cơ quan hải quan cung cấp căn cứ theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 86/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại./.

